

Bản án số: 51 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 14-9-2018

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Chu Thị Minh**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2018/TLST- HNGĐ ngày 03/8/2018 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXX-ST ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy V**, sinh năm 1974; HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974; HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - anh Nguyễn Duy V trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 20/11/1994. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cách sống và tính tình khác nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và con cái. Chị N không làm tròn bổn phận một người làm vợ, người mẹ. Quá trình từ khi chúng tôi kết hôn đến nay chị N không chăm lo việc gia đình, không chăm lo cho chồng, con, mọi việc trong gia đình chủ yếu do tôi lo liệu, từ việc nhà cửa, con cái, tài chính trong gia đình. Ngoài ra chị N còn thường xuyên nói xấu tôi với mọi người, chị N nói tôi quan hệ với người phụ nữ khác, đánh đập chị N trong

khi tôi còn phải đi làm ăn, kiếm tiền lo cho gia đình. Từ tháng 02/2017 tôi và chị N đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/7/1995 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004. Cháu Tuấn A đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị N muốn nuôi cháu Đ, tôi đồng ý để cháu Đ ở nhà với chị N và tôi sẽ có trách nhiệm chu cấp cho con tôi học hành vì chị N không có khả năng kinh tế để nuôi con nhưng tôi không đồng ý đưa tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N, sau khi ly hôn tôi vẫn ở gần đây và sẽ có trách nhiệm lo cho con tôi học hành, ăn uống đầy đủ, tôi chỉ cần chị N lo cơm nước cho con tôi đầy đủ. Nếu chị N nuôi dưỡng cháu Đ, tôi không đồng ý đưa tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Nguyễn Duy V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 20/11/1994. Sau khi kết hôn, tôi và anh V chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã những việc trong gia đình. Khoảng tháng 5/2017, anh V đi chơi không thấy về nhà, khoảng 10 giờ tối tôi đi tìm anh V, do anh V thường đến nhà em trai câu cá nên tôi đến nhà em trai anh V để tìm, do sợ chó cắn nên tôi vòng ra sau vườn và nhảy qua hàng rào vào nhà em trai anh V tìm anh V nhưng lúc này anh V không có ở đây mà đã về nhà. Hôm sau em trai anh V có nói chuyện lại với anh V và anh V cho rằng tôi làm như vậy là xúc phạm danh dự anh V nên tôi và anh V có cãi nhau. Sau đó anh V bỏ đi, đến nhà em trai anh V từ đó đến nay. Tôi nhiều lần đến bảo anh V về nhưng anh V không về. Nay anh V có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/7/1995 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004. Cháu Tuấn A đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu Đ, anh V cấp dưỡng nuôi con như thế nào là tùy anh V và trách nhiệm của anh V.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh V được ly hôn chị N. Con chung: Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Duy V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Hiện chị Nguyễn Thị N đang cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy V và chị Nguyễn Thị N thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 20/11/1994 là hợp pháp. Sau khi kết hôn khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh V nguyên nhân mâu thuẫn do cách sống và tính tình khác nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và con cái. Còn theo chị N thì hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị N không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin được ly hôn chị N, chị N xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; anh V và chị N đã sống ly thân thời gian dài (từ tháng 7/2017 đến nay). Xét thấy, tình cảm giữa anh V và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V với chị N là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/7/1995 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004. Cháu Tuấn A đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N xin được nuôi cháu Đ, anh V cũng nhất trí. Do đó giao cho chị N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004 đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Anh V và chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Duy V** được ly hôn chị **Nguyễn Thị N**.

2. Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/7/1995 và Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004. Cháu Tuấn A đã thành niên không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 22/5/2004 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Duy V cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Duy V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003524 ngày 02 tháng 8 năm 2018

Anh Nguyễn Duy V, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TAND thành phố Hà Nội;

VKSND huyện (02 bản);

Các đương sự;

Lưu HS, VP

Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý